

Bản án số:221/2023/DS-PT

Ngày: 19/5/2023

V/v:Tranh chấp di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Trang Thư

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

2/ Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2022 “*Tranh chấp Di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:176/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:81/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

1. Bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1947

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. *(có mặt)*

2. Ông **Nguyễn Việt T1**, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp T, xã L huyện P, thành phố Cần Thơ. *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

3. Bà **Nguyễn Kim T2**, sinh năm 1953

Địa chỉ:, phường T, quận , thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

4. Bà **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1962

Địa chỉ, phường T, quận , thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

5. Ông **Nguyễn Việt D**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Liên H1**, sinh năm 1959

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Ngô Thanh P**, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ:, phường T, quận , thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày). *(có mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Ngô Thanh P**, sinh năm 1956

2. Ông **Ngô Khương D**, sinh năm 1990

Ông Duy ủy quyền cho ông Ngô Thanh P - Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2011.

Cùng địa chỉ:, phường T, quận , thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1962 *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 1, xã T huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1964 *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 01B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

5. Bà **Nguyễn Thị Xuân T3**, sinh năm 1968 *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 04B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Liên H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Cha mẹ các ông bà là ông Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1910 – mất năm 2006), ông T4 còn có tên khác là Nguyễn Văn N, mẹ là Trần Thị L (sinh năm 1922 – mất năm 1981), khi mất cha mẹ không để lại di chúc, ông T4, bà L có 07 người con là: Nguyễn Văn T4 (trùng tên với cha) chết năm 1968; Nguyễn Kim T, sinh năm 1947; Nguyễn Việt T1, sinh năm 1952, Nguyễn Kim T2, sinh năm 1953; Nguyễn Liên H1, sinh năm 1959; Nguyễn Việt H, sinh năm 1962 và Nguyễn Việt D, sinh năm 1969. Khi còn sống cha mẹ của các ông bà có tạo lập được tài sản là nhà đất tại 132/42/39/1 V, phường T, quận , thành phố Cần Thơ. Nhà đất này hiện do bà Nguyễn Liên H1 đang quản lý sử dụng. Do vậy nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H1 phải chia đều tài sản thừa kế mà cha mẹ để lại cho các anh chị em theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn – bà Nguyễn Liên H1 trình bày:*

Thông nhất về quan hệ huyết thống và nhân thân như phía nguyên đơn trình bày. Xác định khi cha mẹ bà chết có để lại căn nhà tại địa chỉ 132/42/39/1 V, phường T, quận , thành phố Cần Thơ, nhà đất này hiện do bà quản lý sử dụng cùng chồng và con từ năm 1989 đến nay. Nay bà cũng thống nhất chia di sản

thừa kế này theo quy định của pháp luật. Tài sản trên do bà đang quản lý, sử dụng nên yêu cầu được nhận hiện vật - tiếp tục quản lý sử dụng phần nhà đất này và thối lại kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác bằng giá trị.

Theo bà H1, ngoài tài sản là nhà đất này, cha mẹ bà còn để lại 5.938m² đất vườn và ruộng tại ấp Trường Thọ 2A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Phần tài sản này do ông Nguyễn Việt D đang quản lý sử dụng, bà yêu cầu được đưa tài sản này vào di sản thừa kế để chia đều cho các anh chị em và yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế bằng giá trị. Ngày 04/6/2011 bà H1 có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản là phần đất 5.938m² tại ấp Trường Thọ 2A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

** Phía các nguyên đơn trình bày:* Ông Nguyễn Việt D không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà H1 vì cho rằng phần đất tại P mà bà H1 đang yêu cầu chia (thuộc thửa số 228, 229) là phần đất bị chồng lấn lên thửa đất mà ông đang đứng tên quyền sử dụng đất (thửa 224, 225). Các thửa đất này ông đã được cha mẹ cho riêng vào năm 1996 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000160 ngày 05/8/1996 với diện tích là 8.529m². Từ khi được cho diện tích đất trên, ông đã san lấp, bồi đắp đất để canh tác đến nay. Tuy nhiên, khi bà H1 có đơn phản tố, ông mới biết trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông đã ghi thiếu 2 thửa đất số 228, 229. Thực tế từ trước đến nay ông đã sử dụng toàn bộ diện tích đất 8.529m² (là diện tích của cả 4 thửa đất) và việc ghi thiếu 02 thửa đất số 228 và 229 là do sai sót của cán bộ đo đạc. Do vậy ông không đồng ý đưa 02 thửa đất số 228, 229 vào chia thừa kế theo phản tố của bà H1 vì đây là phần đất ông đã được cha cho.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V, bà Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Xuân T3 thống nhất trình bày:* Tại bản tự khai ngày 05/3/2019 của ông Nguyễn Hoàng V và biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2019 của bà Mai, bà T3 cùng xác định ông T4 là con của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Lợi, là con cả trong gia đình, đã mất năm 1968. Khi mất không có giấy chứng tử. Ông T4 có tên trùng với ông nội là ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Văn N), ông T4 kết hôn với bà Nguyễn Thị Hui và có 03 người con là: Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1962 Nguyễn Thị M, sinh năm 1964, Nguyễn Thị Xuân T3, sinh năm 1968. Nay ông Vũ, bà Mai, bà T3 yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế thế vị của cha để lại theo quy định của pháp luật. Bà Mai và bà T3 thống nhất nhường để ông Nguyễn Hoàng V được nhận toàn bộ. Ông Vũ đồng ý với ý kiến của bà Mai, bà T3, đồng thời có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

Vụ án đã được giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2018/DS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân quận . Đương sự có kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 94/2019/DSPT ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm (nêu trên), giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi thụ lý giải quyết lại, *tại phiên tòa sơ thẩm:*

- *Các nguyên đơn thống nhất trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ 132/42/39/01 đường V, phường T, quận , thành

phố Cần Thơ ra làm 07 phần cho tất cả các đồng thừa kế và xin được nhận giá trị. Đối với phần đất thuộc thửa số 228, 229 tại ấp Trường Thọ 2A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ, các nguyên đơn cho rằng đây là phần đất mà cha (ông Nguyễn Văn N) đã cho ông D, nên không đồng ý chia thừa kế. Việc trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D chỉ ghi nhận có 2 thửa đất số 224 và 225 là do sai sót của cán bộ đo đạc. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế đối với phần đất thuộc thửa 228 và 229 thì ông D yêu cầu Tòa án giải quyết trả lại công sức đóng góp, cải tạo phần đất nêu trên cho ông. Bà T, bà H, bà T2 thống nhất nhường kỷ phần thừa kế được hưởng đối với phần đất thuộc thửa 228 và 229 cho ông D.

- Bị đơn trình bày:

+ Đối với phần đất ở đường V thống nhất với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng ý chia thừa kế thành 07 phần bằng nhau, phía bị đơn nhận phần nhà, đất để tiếp tục sử dụng sẽ thanh toán phần giá trị cho các người thừa kế khác.

+ Yêu cầu được nhận trả công sức đóng góp, cải tạo, sửa chữa đối với căn nhà tại đường V với tổng số tiền là 22.000.000 đồng.

+ Đối với phần đất ở P: Yêu cầu chia thừa kế thành 07 phần bằng nhau đối với thửa đất 228 và 229 trên tổng diện tích là 6.313m² và phía bị đơn sẽ nhận giá trị.

Tại bản án dân sự dân sự sơ thẩm số:176/2022/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn T4(Nguyễn Văn N) để lại đối với phần đất 65.4m² tọa lạc tại 132/42/39/1 V, phường T, quận , thành phố Cần Thơ. Buộc bà Nguyễn Liên H1 có nghĩa vụ thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn T4(Nguyễn Văn N) như sau:

- Thanh toán cho bà Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Việt T1, bà Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Việt H, ông Nguyễn Việt D mỗi người một phần di sản thừa kế có giá trị: 269.634.857 đồng.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng V (Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Thì) một phần di sản thừa kế có giá trị: 269.634.857 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Liên H1 về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn T4(Nguyễn Văn N) để lại đối với phần đất 5.938m² thuộc thửa số 228 và 229 tọa lạc tại ấp Trường Thọ 2A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Buộc ông Nguyễn Việt D có nghĩa vụ thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn T4(Nguyễn Văn N) như sau:

- Thanh toán cho bà Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Việt T1, bà Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Việt H, bà Nguyễn Liên H1 mỗi người một phần di sản thừa kế có giá trị: 160.428.142 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T2, bà T và bà H

tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Việt D.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng V (Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Thì) một phần di sản thừa kế có giá trị: 160.428.142 đồng

- Không chấp nhận yêu cầu trả 22.000.000 đồng tiền công sức đóng góp, cải tạo, sửa chữa đối với căn nhà tại đường V của bà Nguyễn Liên H1.

3. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 65,4m², thuộc thửa đất số 238, TĐĐ số 10, tọa lạc tại 132/42/39/1 V, phường T, quận , thành phố Cần Thơ (GCNQSD đất số 00018 do UBND quận cấp ngày 13/5/2004) cho bà Nguyễn Liên H1. (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 99/TTKTTNMT ngày 16/10/2020).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên, bà Nguyễn Liên H1 được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

4. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 6.313m², thuộc thửa đất số 228 và 229 tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Trường Thọ 2A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cho ông Nguyễn Việt D. (Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/9/2014).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên, ông Nguyễn Việt D được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 27/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Liên H1 kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Nguyễn Liên H1 giữ nguyên các yêu cầu về kháng cáo, phản tố. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ và tình tiết, dữ kiện liên quan cho thấy: án sơ thẩm tuyên là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới đề nghị không chấp nhận kháng cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có mặt thống nhất phương án tự xử lý tài sản để phân chia theo quy định nên đề nghị “Sửa án sơ thẩm”, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự (có mặt tại phiên tòa).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Liên H1 kháng cáo trong thời hạn luật định (thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí) nên hợp lệ.

[2] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phản tố của bị đơn và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy: Các bên tranh chấp thừa kế đối với các tài sản cha mẹ chết để lại; tài sản và các đương sự tọa lạc/cư trú tại địa giới hành chính quận, huyện P thuộc thành phố Cần Thơ và đương sự đã lựa chọn Tòa án giải quyết nên Tòa án nhân dân quận thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp Di sản thừa kế” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Xét về giá: Tiến trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn không yêu cầu định giá lại; hơn nữa, Chứng thư thẩm định giá đảm bảo trong thời hạn 06 tháng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) nên việc áp dụng mức giá theo thẩm định tại thời điểm xét xử là phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu định giá lại của phía bị đơn tại cấp phúc thẩm. Bên cạnh đó, cùng một đơn vị thẩm định giá theo Chứng thư thể hiện được áp dụng cho 02 khối tài sản (theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo yêu cầu phản tố của bị đơn) nên được xem là thỏa đáng cho quyền, lợi ích của các bên.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo. Riêng, bị đơn bà Nguyễn Liên H1 kháng cáo bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn:

Theo hồ sơ thể hiện: bị đơn lần lượt có đơn kháng cáo (lần thứ nhất), đơn khiếu nại và tố cáo cùng đề ngày 17/9/2023; đến ngày 21/7/2023, đương sự có đơn xin rút đơn kháng cáo, đơn khiếu nại và tố cáo (nêu trên). Sau đó, vào ngày 27/9/2023, bị đơn tiếp tục có đơn kháng cáo cho rằng: cấp sơ thẩm không đánh giá, xem xét tòa diện, khách quan chứng cứ trong hồ sơ vụ án; còn nội dung tuyên thì xâm hại đến quyền tài sản của bị đơn nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn nộp Đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Mặc dù tại phiên tòa, bị đơn không lý giải cụ thể lý do và căn cứ đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Song, góc độ bị đơn có kháng cáo hợp lệ (đơn đề ngày 27/9/2023) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét vụ án trong phạm vi thẩm quyền.

Cụ thể: Trong vụ án, nguyên đơn khởi kiện, bị đơn phản tố, cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ và một phần đối với từng yêu cầu của mỗi bên. Nguyên đơn không kháng cáo nên nội dung và quyết định liên quan đã có giá trị pháp lý ràng buộc đối với đương sự. Vì vậy, trong phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét liên quan đến yêu cầu kháng cáo.

- *Thứ nhất*, về thời điểm mở thừa kế, người để lại di sản, hàng thừa kế: quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất thừa nhận nên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trên cơ sở đó, xác định được: lúc sinh thời, cụ Nguyễn Văn T4(tên gọi khác Nguyễn Văn N, chết năm 2006) và cụ Trần Thị L(chết năm 1981) có 07 người con chung gồm: Nguyễn Văn T4(trùng tên với cha) chết năm 1968, Nguyễn Kim T, Nguyễn Việt T1, Nguyễn Kim T2, Nguyễn Liên H1, Nguyễn Việt H và Nguyễn Việt D; ngoài ra, không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Trong đó: ông Nguyễn Văn T4(chết năm 1968) có người thừa kế thế vị là các ông/bà Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Xuân T3; đồng thời, ông Vũ, bà Mai, bà T3 có yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế thế vị của cha để lại, theo đó: bà Mai và bà T3 thống nhất nhường để ông Nguyễn Hoàng V được nhận toàn bộ.

Do cụ Thị chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ để lại được phân chia theo pháp luật, theo phương thức chia đều cho 07 người thuộc hàng thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 và Điều 652 Bộ luật Dân sự.

- *Thứ hai*, về di sản thừa kế:

+ Một là, *đối với phần đất tại 132/42/39/1 V, phường T, quận , thành phố Cần Thơ(theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn) và yêu cầu được trả lại 22.000.000 đồng tiền đầu tư cải tạo tài sản (theo yêu cầu của bị đơn).*

Xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định phần diện tích 65,4m² (theo hồ sơ trích đo địa chính số 99/TTKTTNMT ngày 16/10/2020) thuộc thửa đất số 238, TBĐ số 10, tọa lạc tại 132/42/39/1, V, phường T, quận , thành phố Cần Thơ (GCNQSD đất số 00018 do UBND quận cấp ngày 13/5/2004) do ông Nguyễn Văn T4(Nguyễn Văn N) đứng tên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T4(Nhị), phần nhà đất trên hiện tại do bà Nguyễn Liên H1 đang quản lý, sử dụng.

Như đã viện bên trên về di sản được chia theo pháp luật. Trong đó, có xét yêu cầu về việc được tiếp tục quản lý, sử dụng, ổn định phần nhà đất của bà H1, nhận thấy: bà H1 và gia đình là người đang thực tế sinh sống tại nhà đất này từ trước đến nay và các đồng thừa kế cũng thống nhất nhận giá trị và giao nhà cho bà H1. Do đó, yêu cầu về vấn đề này của bà H1 là có căn cứ chấp nhận. Như vậy, đồng thời với việc được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất; bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho đồng thừa kế khác.

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: V128 BDS/2022/CT.ĐA ngày 29/4/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Thẩm định giá Đông Á thì phần đất có tổng giá trị (theo giá thị trường) là 1.887.444.000 đồng. Như vậy, mỗi kỷ phần có giá trị như sau: 1.887.444.000 đồng/7 = 269.634.857 đồng.

Song, trường hợp bà H1 không đồng ý thôi lại giá trị như trên thì buộc bà H1 phải có nghĩa vụ giao lại phần di sản là nhà và đất tại đường V để phát mãi thi hành án, chia đều giá trị cho các đồng thừa kế khác.

+ Hai là, *đối với yêu cầu các nguyên đơn trả lại 22.000.000 đồng tiền cải tạo, sửa chữa nhà tại đường V của bà H1.*

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được chứng từ liên quan đến việc sửa chữa căn nhà, hơn nữa các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia giá trị phần đất không yêu cầu chia giá trị căn nhà trên đất. Bên cạnh đó, theo lời khai của bị đơn thì bị đơn bắt đầu cải tạo sửa chữa nhà từ năm 1993 và từ đó đến nay chỉ có bị đơn cùng chồng, con (ông Ngô Thanh P, Ngô Khương D) ở, các nguyên đơn không có sinh sống tại nơi này. Từ đó cho thấy, việc bị đơn cải tạo, sửa chữa nhà nhằm mục đích phục vụ cho việc ở, sinh hoạt của bị đơn, các nguyên đơn không hưởng lợi từ việc sửa chữa này. Do đó, yêu cầu này của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

+ Ba là, *đối với phần tố chia di sản thừa kế đối với di sản thừa kế đối với 02 thửa đất số 228 và 229 tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.*

Phía nguyên đơn cho rằng phần đất tại thửa số 228 và 229, cụ Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Văn N) đã tặng cho ông Nguyễn Việt D nhưng khi cập nhật vào Giấy thì thiếu 02 thửa 228, 229 là do sai sót của cán bộ đo đạc chỉ ghi có 02 thửa số 224 và 225 vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiếu trả lời thông tin số 198/VPĐKQSDĐ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (thuộc Phòng Tài nguyên – Môi trường) huyện P đã xác định: Ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Văn N) có đăng ký cấp giấy thửa đất số 228 và 229, tờ bản đồ số 07, sổ mục kê ghi nhận ông T4 là người sử dụng thửa đất số 228 và 229. Do vậy, có căn cứ để xác định đây là di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Văn N) để lại, tài sản này chưa chia và ông T4 cũng không lập di chúc cho ai. Do vậy, việc bà H1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với 02 thửa đất nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với diện tích đất tại thửa 228 và 229 hiện do ông Nguyễn Việt D đang quản lý. Theo công văn số 773/UBND-NC ngày 31/12/2015 và công văn 738/UBND-NC ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P xác nhận: Thửa 228 + 229 tổng diện tích 5.938m² thuộc tờ bản đồ số 07 ông Nguyễn Văn N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 332. Theo bản trích đo địa chính số 43 ngày 13/02/2015, của Văn phòng đăng ký đất thuộc Phòng tài nguyên và môi trường huyện P thể hiện kết quả đo đạc thực tế thửa đất 228+229 có tổng diện tích 6.313m² so với diện tích đo đạc 1993 (5.938m²) tăng 375m². Theo lời trình bày của ông D phần diện tích 375m² dư ra so với giấy chứng nhận là do ông bồi đắp và san lấp hố bom mà có, xét thấy phần đất dư ra hiện không tranh chấp với ai nên lời trình bày của ông D là có cơ sở chấp nhận. *Xét thấy*, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân quận thể hiện các nguyên đơn cũng thống nhất với nội dung “Qua khảo sát thực tế và sự thống nhất của chủ sử dụng đất (ông Nguyễn Việt D) xác định phần đất của ông Nguyễn Việt D đang sử dụng tiếp giáp với các thửa còn lại (trong đó có 01 thửa 228) là đúng với hiện trạng sử dụng đất từ trước đến nay”. Hơn nữa, về hình thể thửa đất số 224 và 225 được cấp cho ông D là khác so với hình thể của thửa số 228 và 229 của ông N (hình thể được sơ họa tại bản trích đo địa chính).

Do vậy, vấn đề chênh lệch giữa diện tích thực tế và diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D có sở xác định là do sai sót trong quá trình kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. *Như vậy*, diện tích trong hai thửa đất trên do ông T4 (Nhị) đứng tên chỉ có 5.938m² nên đây được xác định là diện tích được chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Do đó yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu chia thừa kế đối với cả diện tích 375m² tăng thêm vào là chưa có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lại giá trị cây trồng trên đất và công sức cải tạo đối với thửa đất 228 và 229 của ông Nguyễn Việt D. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn chỉ phản tố yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị phần đất, không yêu cầu đối với giá trị cây trồng và vật kiến trúc trên đất. Hơn nữa, phần đất này từ trước đến nay do ông D trực tiếp canh tác và hưởng hoa lợi, vì vậy yêu cầu của ông là chưa có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số: V138 BDS/2022/CT.ĐA ngày 09/5/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Thẩm định giá Đông Á thì phần đất có giá như sau: Đất cây lâu năm là 207.000 đồng/m², đất lúa là 178.000 đồng/m² (theo giá thị trường). Như vậy, phần đất thửa 228 có giá là: 2.277m² x 207.000 đồng/m² = 471.339.000 đồng và thửa đất 229 có giá trị là: 3.661m² x 178.000 đồng/m² = 651.658.000 đồng. Tổng giá trị của hai thửa đất là 1.122.997.000 đồng. Như vậy, mỗi kỷ phần có giá trị như sau: 1.122.997.000 đồng/7 = 160.428.142 đồng. Ông D là người đang thực tế quản lý, sử dụng và canh tác phần đất này hơn nữa bị đơn chỉ yêu cầu nhận giá trị phần thừa kế, do đó ông D được quyền ưu tiên nhận hiện vật và thối lại giá trị cho các đồng thừa kế khác, mỗi kỷ phần là 160.428.142 đồng. Quá trình tố tụng, bà T2, bà T và bà H thống nhất tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng đối với phần đất tại P cho ông Nguyễn Việt D.

[6] Đối với ý kiến của ông D (tại phiên tòa phúc thẩm) về việc vẫn giữ quan điểm xuyên suốt không đồng chia thừa kế thửa 228, 229, vì đã được cha mẹ tặng cho khi còn sống. Song, sau khi xét xử sơ thẩm, ông D không có đơn kháng cáo nên trong thuộc phạm vi cấp phúc thẩm xem xét nên không có cơ sở thỏa mãn đề nghị này của ông D (tại phiên tòa).

[7] Trên cơ sở xác định quyền, nghĩa vụ của các bên là cách thức phải chịu án phí, chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản và buộc nghĩa vụ của mỗi đương sự tương ứng như cấp sơ thẩm đã tuyên là đúng quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 và Điều 147 (hướng dẫn tại Nghị quyết số 326) của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến của bị đơn về nghĩa vụ này, thấy rằng: quá trình tố tụng, bà H1 đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc (đối với tài sản tại huyện P) là 3.476.000 đồng và chi phí định giá 9.000.000 đồng; trong khi, mỗi nghĩa vụ đương sự phải chịu là 4.425.142 đồng nên việc ghi nhận *các đương sự khác phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H1 là 8.050.858 đồng* là phù hợp.

[8] Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chấp nhận một phần phản tố của các đương sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp

luật.

Như vậy, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không có cơ sở chấp nhận.

[9] Riêng, thỏa thuận của 04/05 nguyên đơn (có mặt tại phiên tòa) với bị đơn thống nhất về việc các đương sự tự liên hệ để thực hiện bán/chuyển nhượng tài sản và phân chia thực tế giá trị tương ứng được hưởng cho mỗi thừa kế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thỏa thuận của các đương sự có mặt không đảm bảo số lượng người có quyền (05/07 thừa kế) nên chưa đủ cơ sở ghi nhận thỏa thuận của các đương sự. Tuy nhiên, thiện chí của các bên cần thiết thể hiện xuyên suốt chiều dài vụ việc nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của các bên và tạo điều kiện thực hiện quyền, nghĩa vụ tương ứng của mình.

[10] Từ những phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo là phù hợp. Riêng, đề nghị “Sửa án sơ thẩm”, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự (có mặt tại phiên tòa) là chưa thỏa căn cứ (như viện dẫn bên trên).

[11] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí phúc thẩm; tuy nhiên, bà Nguyễn Liên H1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo hướng dẫn tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Liên H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận , thành phố Cần Thơ.

Áp dụng:

- Các Điều 623, 649, 650, 651 và 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Văn N) để lại đối với phần đất 65.4m² tọa lạc tại 132/42/39/1 V, phường T, quận , thành phố Cần Thơ.

Buộc bà Nguyễn Liên H1 có nghĩa vụ thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Văn N) như sau:

- Thanh toán cho bà Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Việt T1, bà Nguyễn

Kim T2, bà Nguyễn Việt H, ông Nguyễn Việt D mỗi người một phần di sản thừa kế có giá trị: 269.634.857 đồng.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng V (Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Thì) một phần di sản thừa kế có giá trị: 269.634.857 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Liên H1 về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn T4(Nguyễn Văn N) để lại đối với phần đất 5.938m² thuộc thửa số 228 và 229 tọa lạc tại ấp Trường Thọ 2A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Buộc ông Nguyễn Việt D có nghĩa vụ thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn T4(Nguyễn Văn N) như sau:

- Thanh toán cho bà Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Việt T1, bà Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Việt H, bà Nguyễn Liên H1 mỗi người một phần di sản thừa kế có giá trị: 160.428.142 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T2, bà T và bà H tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Việt D.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng V (Thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Thì) một phần di sản thừa kế có giá trị: 160.428.142 đồng

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu trả 22.000.000 đồng tiền công sức đóng góp, cải tạo, sửa chữa đối với căn nhà tại đường V của bà Nguyễn Liên H1.

3. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 65,4m², thuộc thửa đất số 238, TĐĐ số 10, tọa lạc tại 132/42/39/1 V, phường T, quận , thành phố Cần Thơ (GCNQSD đất số 00018 do UBND quận cấp ngày 13/5/2004) cho bà Nguyễn Liên H1. *(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 99/TTKTTNMT ngày 16/10/2020).*

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên, bà Nguyễn Liên H1 được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

4. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 6.313m², thuộc thửa đất số 228 và 229 tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Trường Thọ 2A, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cho ông Nguyễn Việt D. *(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/9/2014).*

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên, ông Nguyễn Việt D được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 30.976.000 đồng. Di sản được chia thành 07 phần bằng nhau nên tất cả cùng phải chịu chi phí như nhau: $30.976.000 \text{ đồng} / 7 = 4.425.142 \text{ đồng}$.

+ Bà Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Việt T1, bà Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Việt H, ông Nguyễn Việt D, bà Nguyễn Liên H1, ông Nguyễn Hoàng V mỗi người phải chịu 4.425.142 đồng.

Do nguyên đơn bà H và bị đơn bà H1 đã nộp tạm ứng nên các đương sự khác phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H 14.074.000 đồng và bà H1 là 8.050.858 đồng.

Ông Nguyễn Việt D phải chịu là 4.941.720 đồng chi phí đo đạc thẩm định, ông D đã nộp và chi xong.

6. Về án phí dân sự:

Bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Việt H, bà Nguyễn Liên H1, ông Nguyễn Việt T1 được miễn nộp tiền phí dân sự. Ông Nguyễn Việt D phải chịu 10.601.000 đồng (đã có xem xét giảm 50% án phí) *khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.500.000 đồng ông D đã nộp theo biên lai thu tiền số 002408 ngày 04/10/2010 tại Chi cục thi hành án dân sự quận thành phố Cần Thơ, ông D phải nộp thêm 5.101.000 đồng.*

Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu 21.202.000 đồng,

Bà Nguyễn Liên H1 được nhận lại 5.768.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 002860 ngày 11/7/2011 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận , thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- TAND quận ;
- Chi cục THADS quận ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Thư